TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2022
V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh
Ông Lê T Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 09 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986 *(có mặt)*
Địa chỉ: xóm Chùa, thôn B, xã B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
*Bị đơn***:** Anh Đặng Văn H– sinh năm 1985 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: xóm Chùa, thôn B, xã B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06/7/2022 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau ngày 07/3/2006 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có mục đích hôn nhân. Anh H ham chơi cờ bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung về làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Năm 2017 chị đi nước ngoài làm ăn kinh tế đến nay mới về. Từ khi ở nước ngoài về chị không về nhà anh H nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chính

thức ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đặng Văn H không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có bốn con chung là: Đặng T Nga, sinh ngày 18/7/2007; Đặng Thị Khuyên, sinh ngày 15/12/2009; Đặng Anh Thư, sinh ngày 23/3/2012 và Đặng Hải Yến, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu Nga và cháu Khuyên đang ở với bố còn cháu Thư và cháu Yến đang ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung là Đặng Anh Thư và Đặng Hải Yến. Anh H nuôi dưỡng con chung Đặng T Nga và Đặng Thị Khuyên. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn H có lời khai trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau vào ngày 07/3/2006 như chị T trình bày là đúng. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vợ chồng kết hôn chị T về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh. Cuộc sống vợ chồng chung sống bình thường. Khoảng năm 2016 đến giữa năm 2022 chị T đi Nga làm ăn, giữa năm 2022 chị T về nước nhưng chị T không về nhà anh mà bỏ về nhà mẹ đẻ ở luôn. Nguyên nhân mâu thuẫn này là do ban đầu chị T đi nước ngoài được hai năm thì có về nhà, anh đã khuyên chị T ở nhà nhưng chị T không ở, chị T vẫn cố tình trốn anh để đi nước ngoài lần nữa. Thời gian đầu sang chị T không liên lạc với gia đình. Sau đó chị T có liên lạc được với gia đình nhưng do vợ chồng đã bất đồng quan điểm từ trước nên vợ chồng nói chuyện với nhau vẫn có bực tức và giận nhau. Cũng từ chuyện này mà vợ chồng bất đồng quan điểm nên nảy sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề. Thỉnh thoảng anh có mắng chửi chị T nên khi chị T đi nước ngoài về đã không về nhà anh mà về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Từ khi chị T ở nước ngoài về ở nhà mẹ đẻ anh có xuống đón chị T về nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn. Chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 04 con chung là: Đặng T Nga, sinh ngày 18/7/2007; Đặng Thị Khuyên, sinh ngày 15/12/2009; Đặng Anh Thư, sinh ngày 23/3/2012 và Đặng Hải Yến, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu Nga và cháu Khuyên đang ở với anh còn cháu Thư và cháu Yến đang ở với chị T. Nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của các con và giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con theo nguyện vọng của các con. Nếu anh được nuôi con thì anh không yêu cầu chị T phải cấp dường nuôi con chung cùng nhau.

Anh H xác định hiện nay anh đi làm công nhân công ty may thu nhập bình quân khoảng 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng,đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh H

Về con chung: Giao cho chị T được nuôi dưỡng hai cháu: Đặng Anh Thư, sinh ngày 23/3/2012 và Đặng Hải Yến, sinh ngày 10/7/2014. Giao cho anh H được nuôi dưỡng hai con chung là cháu: Đặng T Nga, sinh ngày 18/7/2007 và cháu Đặng Thị Khuyên, sinh ngày 15/12/2009

Về cấp dưỡng nuôi con: Bù trừ nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đặng Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự có mặt của đương sự: Anh H vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh H ham chơi cờ bạc. Năm 2016 chị đi nước ngoài làm ăn đến năm

2022 chị về nước thì chị không về chung sống cùng anh H. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H lại cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, phía chị T kiên quyết ly hôn nhưng anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ trong khi Tòa án báo gọi anh H đến Tòa án để hòa giải thì anh H không chấp hành. Hơn nữa, căn cứ vào thực tế thì xác định chị T và anh H đã có thời gian dài sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận đời sống vợ chồng của chị T và anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc anh H không muốn ly hôn là chỉ muốn kéo dài đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc mà thôi. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H là có căn cứ.

[3]. *Về con chung:* Chị T và anh H cùng xác định vợ chồng có 04 con Đặng T Nga, sinh ngày 18/7/2007; Đặng Thị Khuyên, sinh ngày 15/12/2009; Đặng Anh Thư, sinh ngày 23/3/2012 và Đặng Hải Yến, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu Nga và cháu Khuyên đang ở với anh H còn cháu Thư và cháu Yến đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung là Đặng T Nga và Đặng thị Khuyên. Anh H đề nghị giải quyết vấn đề nuôi con chung theo nguyện vọng của con. Xét thấy: Quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung của cả chị T và anh H là như nhau. Hiện nay chị T đi làm quản lý công nhân may, thu nhập khoảng 9 đến 10 triệu đồng/ tháng. Anh H làm công nhân, thu nhập khoảng 9 đến 10 triệu đồng/tháng. Vì vậy cả anh H và chị T đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu Nga và cháu Khuyên có nguyện vọng ở với bố còn cháu Yến và cháu Thu có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị T được nuôi dưỡng hai con chung Đặng Anh Thư và Đặng Hải Yến. Giao cho anh được H nuôi dưỡng hai con chung là Đặng Thị Khuyên và Đặng T Nga là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp hưỡng nuôi con chung. Đồng thời anh H và chị T đều mỗi người nuôi hai con chung nên việc cấp dưỡng nuôi đưỡn con chung đã được bù trừ. Cần chấp nhận việc anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị T và anh H cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T được nuôi dưỡng hai con chung là: Đặng Anh Thư, sinh ngày 23/3/2012 và Đặng Hải Yến, sinh ngày 10/7/2014. Giao cho anh Đặng Văn H được nuôi dưỡng hai con chung là: Đặng T Nga, sinh ngày 18/7/2007; Đặng Thị Khuyên, sinh ngày 15/12/2009; Chị Vũ Thị T và anh Đặng Văn H không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Chị T và anh H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009195 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Hương Lan

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê T Miện **Bùi Thế Hanh**	**Hoàng Thị Hương Lan**